

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 4 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Mắt ngưỡng 990 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 07/10/2019		•	
Tuần 7/10-11/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giao dịch giằng co quanh mốc tham chiếu là diễn biến chung của VN-Index trong phiên sáng khi các mã cổ phiếu bluechips gồm PLX, BID, CTG điều chỉnh mạnh. Đến phiên chiều, lực đỡ của VCB dường như là không đủ để hỗ trợ chỉ số giữ mốc 990 điểm trước áp lực bán gia tăng tại các mã GAS, BID, SAB. Thị trường có phiên giao dịch nhiều biến động trong bối cảnh TTCK trong khu vực cũng chịu sự điều chỉnh. **Sự giảm tốc của nền kinh tế Mỹ, được thể hiện qua số liệu nhà quản trị mua hàng (PMI) phi sản xuất và sản xuất kém khả quan là yếu tố chính tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư.**

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 912 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/04/2019, các chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái trong khi chứng khoán cơ sở hầu hết đều giảm điểm, trừ VIC và DPM. REE đã có sự điều chỉnh giảm sau khi tiếp cận ngưỡng cản cứng tại giá 40. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị ổn định. Mặt khác, các chỉ báo kỹ thuật lại đang dần chuyển sang trạng thái tiêu cực, nhiều khả năng CREE1901 sẽ tiếp tục giảm giá trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng_0.6%. 5/16 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có tới **7/16** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX(-0.5%)**. Đặc biệt, **Hàng tiêu dùng** - danh mục có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**.

Phân tích kỹ thuật: **DRC_Xu hướng tăng (Trang 3)**

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.86 điểm**, đóng cửa 987.59. HNX-Index **-0.05 điểm**, đóng cửa 105.16.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.11); POW (+0.18); HVN (+0.15); CII (+0.11); DPM (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.84); SAB (-0.75); BID (-0.75); PLX (-0.68); CTG (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,281 tỷ đồng**, **+0.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.1 điểm. Thị trường có 136 mã tăng, 65 mã tham chiếu và 171 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **265.54 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm LIX (68.71 tỷ), HPG (46.64 tỷ) và VRE (31.53 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.54 tỷ đồng**.

VN-INDEX

987.59

Giá trị: 3281.73 tỷ

-4.86 (-0.49%)

Khối ngoại (ròng): -265.54 tỷ

HNX-INDEX

105.16

Giá trị: 286.59 tỷ

-0.05 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -4.54 tỷ

UPCOM-INDEX

56.93

Giá trị: 204.54 tỷ

-0.22 (-0.38%)

Khối ngoại(ròng): 4.25 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.8	0.74%
Giá vàng	1,510	0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,464	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,735	0.15%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	5.32%
LS TPCP 5 năm	3.1%	-0.06%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	13.7	LIX	69.8
CII	10.1	HPG	46.7
VIC	8.7	VRE	31.6
BMP	7.4	VNM	19.6
PLX	7.1	VJC	17.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Câu chuyện cuối tuần	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
 ✦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
 ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

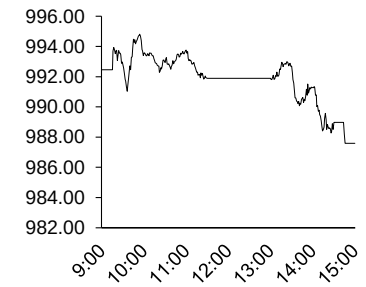
BSC RESEARCH

10/4/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

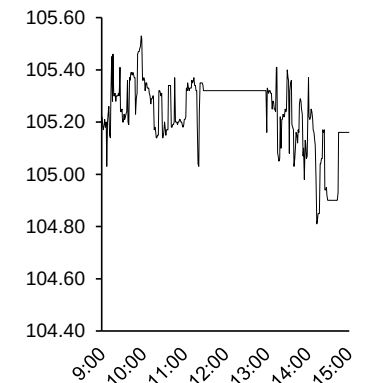
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 5/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có tới 7/16 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(-0.5%). Đặc biệt, **Hàng tiêu dùng** - danh mục có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Hàng tiêu dùng	0.6%	-0.7%	4.3%	7.2%	9.8%	4.4%	63.0%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.4%	2.2%	5.9%	0.7%	-4.7%	-10.7%	-5.0%
Chiến tranh thương mại	0.2%	0.8%	-1.0%	-6.7%	-4.3%	-4.2%	6.7%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	2.4%	3.6%	3.2%	1.8%	-3.3%	3.6%
Lãi suất giảm	0.1%	0.7%	3.6%	-0.8%	-0.6%	0.0%	53.6%
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	0.0%	1.4%	3.0%	0.5%	-0.7%	60.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	-1.6%	0.6%	-0.4%	-2.5%	-0.1%	75.4%
Xây dựng	-0.7%	-1.4%	5.5%	0.6%	-9.1%	-11.5%	29.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	-1.1%	4.6%	9.6%	8.2%	-0.9%	77.9%
Ngân hàng	-0.8%	0.6%	6.7%	12.9%	8.0%	-0.6%	80.7%
Nước & Năng lượng	-0.9%	-1.7%	0.0%	-4.2%	-1.3%	1.7%	56.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.9%	-0.5%	-1.0%	-6.3%	-1.9%	6.8%	46.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.0%	-0.1%	5.9%	5.6%	0.5%	-9.1%	36.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.4%	-1.3%	4.0%	5.8%	5.5%	0.7%	69.7%
Dầu khí	-1.9%	-3.2%	-2.8%	-5.3%	-7.2%	-19.9%	7.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.9%	-1.3%	3.7%	-6.8%	-11.8%	-20.5%	42.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 7	0.4%	0.5%	4.0%	4.1%	2.7%	0.2%	47.4%
Danh mục 3	0.1%	-0.8%	2.5%	1.8%	-2.7%	-11.2%	26.1%
Danh mục 17	0.1%	0.4%	1.1%	1.3%	-0.5%	6.0%	128.5%
Danh mục 18	-1.1%	-2.0%	1.8%	9.8%	11.2%	9.8%	112.3%
Danh mục 12	-1.4%	-1.8%	2.1%	7.7%	9.7%	7.8%	69.7%
* Note	9/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.8%	0.7%	1.2%	1.6%	0.5%	1.3%	17.7%
Danh mục 23	0.6%	0.0%	0.3%	2.5%	-0.2%	3.1%	107.2%
Danh mục 22	0.0%	-1.7%	6.9%	15.6%	14.3%	4.9%	76.4%
Danh mục 24	-0.2%	-1.2%	3.3%	8.7%	9.6%	1.4%	66.9%
Danh mục 25	-0.3%	-1.8%	-0.7%	5.0%	7.3%	23.7%	174.4%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	-1.0%	1.0%	1.3%	-0.2%	-3.5%	44.3%
VN30INDEX	-0.7%	-1.0%	2.9%	4.0%	1.2%	-7.6%	38.2%

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	1.4%
Du lịch và Giải trí	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Bất động sản	-0.1%
Ngân hàng	-0.3%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Truyền thông	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%
Công nghệ Thông tin	-0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Y tế	-1.1%
Bán lẻ	-1.6%
Bảo hiểm	-1.8%
Dịch vụ tài chính	-2.0%
Dầu khí	-3.1%

Nguồn: FiinPro

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phân tích kỹ thuật

DRC_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu DRC đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh ngắn hạn tại ngưỡng giá 24. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI đã báo hiệu xu hướng tăng trong khi chỉ báo RSI đang duy trì xu hướng tích lũy. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, DRC nhiều khả năng sẽ tăng trở về ngưỡng kháng cự cũ tại ngưỡng giá 27-28 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Dự báo DTT và LNST của DRC năm 2019 lần lượt vào khoảng 3,846 tỷ đồng (+8.3% yoy) và 168 tỷ đồng (+19% yoy) dựa trên những giả định sau: 1. Mảng lốp Bias: giả định thận trọng giá bán dòng sản phẩm Bias sẽ giữ nguyên (mặc dù trên thực tế giá bán đang tăng từ 1-3%) và sản lượng sẽ giảm trung bình khoảng -8% yoy. Mảng lốp Radial: (1) sản lượng tiêu thụ Radial sẽ đạt 499,561 lốp (+33%) (2) giá bán lốp Radial trung bình giảm -2% yoy do DN phải giảm giá bán để cạnh tranh với lốp ô tô Trung Quốc. Nguyên vật liệu: (1) giá cao su tự nhiên tăng trung bình +5% yoy năm (2) giá than đen -15% yoy trong năm 2019.

Luận điểm đầu tư

Tiềm năng tiêu thụ thị trường xuất khẩu, động lực mới là thị trường Mỹ (10,000 lốp/tháng, chiếm 20% sản lượng lốp Radial). Biên LNG kỳ vọng được cải thiện nhờ vào tiết giảm chi phí NVL.

Cập nhật KQKD

Trong nửa đầu năm 2019, DRC đạt mức tăng trưởng khả quan với doanh thu thuần 1,920 tỷ đồng (+15.6% yoy) và LNST 88 tỷ đồng (+17% yoy) nhờ tăng trưởng lốp Radial và tiết giảm chi phí NVL: (1) Sản lượng radial +52% yoy trong khi sản lượng lốp bias -9% yoy (2) Giá bán trung bình 6T.2019 hầu hết các sản phẩm lốp đều giảm nhẹ so với cùng kỳ và (3) Biên lợi nhuận gộp 6T.2019 tăng nhẹ từ mức 12% (năm 2018) lên 12.4%.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: DRC 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 04/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 04/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.23	-0.59%	-7.44%	-7.19%	-29.75%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.63	0.14%	-8.14%	-5.05%	-31.86%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.55	0.34%	-6.62%	1.19%	-26.15%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1507.49	0.47%	0.12%	-2.90%	25.69%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.55	0.14%	-1.39%	-10.31%	20.55%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	908.34	-0.41%	2.23%	5.32%	5.71%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	489.25	0.05%	1.03%	7.23%	-5.55%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.49	0.71%	1.15%	4.94%	16.88%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.60	-2.30%	-9.28%	-9.67%	-6.60%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.74	-1.16%	9.54%	15.71%	3.33%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	-1.90%	-1.90%	-8.04%	-11.97%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	102.05	1.44%	1.19%	9.26%	-4.58%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.54	-0.61%	-0.79%	-1.52%	-8.14%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3653.00	-0.52%	-1.03%	0.22%	-21.03%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1705.00	-2.01%	-2.68%	-2.74%	-21.41%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	0.00%	1.09%	4.49%	33.81%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.73	-2.34%	-3.64%	-2.83%	-41.77%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Trung Tây Texas kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 19 cent còn 52.45 USD/thùng. Giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2 cent còn 57.71 USD/thùng. Trong phiên giao dịch, giá cả hai loại dầu đều giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu tháng 8.
- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu giảm nhẹ sau khi chạm mức thấp gần 2 tháng vào phiên sáng do các số liệu kinh tế yếu tại Mỹ và EU.
- Một cuộc khảo sát của các nhà quản lý mua hàng cho thấy trong tháng 9 tốc độ tăng của ngành dịch vụ Mỹ đã chạm mức thấp nhất 3 năm và tỷ lệ tăng việc làm yếu nhất trong nửa thập kỷ. Trong khi đó, tăng trưởng kinh doanh tại khu vực đồng Euro bị trì trệ. Tuy nhiên, có một số yếu tố hỗ trợ giá dầu như hy vọng vào những tiến bộ trong việc giải quyết tranh chấp thương mại Mỹ- Trung và sản lượng dầu tại Mỹ đã giảm trong tháng 7.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,506.45 USD/ounce sau khi đã chạm mức cao nhất kể từ 25/9 là 1,518.50 USD/ounce vào phiên sáng. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.4% đạt 1,513.80 USD/ounce.
- Giá vàng đã tăng hơn 1% lên mức cao nhất 1 tháng do số liệu kinh tế yếu tại Mỹ làm tăng thêm mối lo ngại về tăng trưởng kinh tế, đẩy lên hy vọng Fed sẽ cắt giảm lãi suất và USD yếu. Tăng trưởng của ngành dịch vụ Mỹ đạt tốc độ chậm nhất trong 3 năm vào tháng 9 và tăng trưởng việc làm yếu nhất trong nửa thập kỷ. Dữ liệu kinh tế Mỹ yếu hơn kỳ vọng đang đè nặng lên thị trường tài chính toàn cầu, khiến thị trường chứng khoán trượt dài xuống mức thấp nhất kể từ tháng 8. Đặc biệt, việc Mỹ sẽ áp thuế đối với một số sản phẩm từ EU càng làm trầm trọng thêm bất ổn kinh tế và khiến vàng trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.

Giá đồng

- Chốt phiên, giá đồng kỳ hạn 3 tháng tại LME giảm 0.3% còn 5,661 USD/tấn. Giá thiếc cũng giảm 0.5% xuống 16,475 USD. Trong khi giá nhôm tăng 0.7% đạt 1,718 USD/tấn sau khi chạm mức 1,704.85 USD, mức thấp nhất kể từ tháng 1/2017 trong phiên liền trước. Giá niken tăng 0.8% đạt 17,625 USD/tấn, chỉ tăng 1.4% lên 2,129 USD.
- Giá đồng giảm trong 4 phiên liền tiếp sau khi Mỹ công bố thuế quan đối với một số hàng hóa châu Âu và lo ngại suy giảm kinh tế toàn cầu sẽ làm giảm nhu cầu tiêu thụ đồng trong khi nguồn cung dồi dào, tồn kho lớn tại Sàn giao dịch kim loại Luân Đôn (LME). Tồn kho đồng tại LME đã tăng vọt lên 195,425 tấn, cao nhất kể từ 20/9.

Giá nông sản

- Giá gạo xuất khẩu tại các nước châu Á giảm trong tuần này do nhu cầu yếu và biến động tiền tệ ở Ấn Độ và Thái Lan, trong khi nhu cầu mua yếu từ Philippines ảnh hưởng tới thị trường Việt Nam. Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm còn 330-340 USD/tấn, so với mức 335 USD/tấn tuần trước và gạo Thái Lan giảm còn 396-417 USD/tấn so với mức 400-420 USD/tấn, trong khi gạo Ấn Độ giảm còn 369-373 USD/tấn so với mức 371-375 USD/tấn.
- Giá đường thô tại Chicago giảm nhẹ do hoạt động bán ra. Chốt phiên, giá đường thô giao tháng 3/2020 giảm 0.15 cent, tương đương 1.16%, xuống còn 12.74 cent/lb. Trong khi giá đường trắng giao tháng 12 giảm 2.4 USD, tương đương 0.7%, còn 340.6 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tại Tokyo giảm phiên thứ 7 liên tiếp do lo ngại nhu cầu chậm lại sau khi Mỹ công bố thuế nhập khẩu mới đối với các sản phẩm từ Liên minh châu Âu và hoạt động bán ra nhiều. Giá cao su giao tháng 3/2020 giảm 0.5 JPY còn 155.6 JPY (1.45 USD)/kg, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 26/11 là 154.3 JPY trong phiên liền trước.

BẠN CÓ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NHƯ MỘT CON LỪA

Chuyện kể rằng xưa kia có một người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã ngấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa.

Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã.

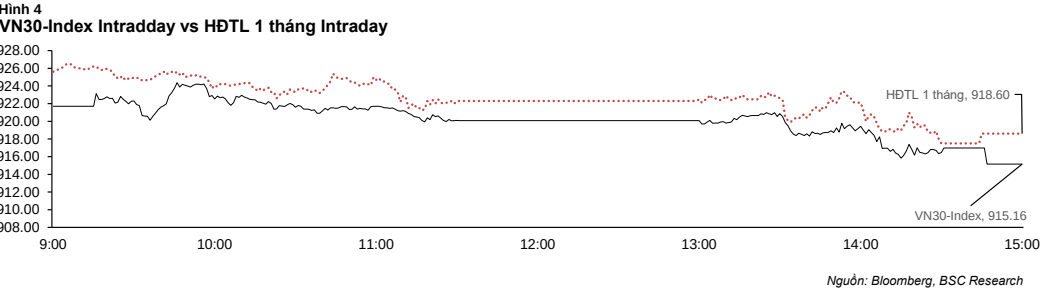
Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc chắn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây". Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngâm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.

Bài học rút ra từ câu chuyện trên: Khi làm bất cứ chuyện gì, không thể cứ cứng nhắc áp dụng mãi những kinh nghiệm đã có mà cần phải xem tình hình thực tế như thế nào, tùy cơ ứng biến, chọn cách làm cho phù hợp.

Trong đầu tư chứng khoán, có rất nhiều cổ phiếu có cách "đánh" lặp đi lặp lại. Tuy vậy, điều này không phải sẽ kéo dài mãi mãi và nhà đầu tư nếu cứ suy nghĩ theo hướng "bắt bài đội lái" sẽ sớm muộn bị "lái đè". Do đó, nhà đầu tư cần tỉnh táo và có cách ứng xử phù hợp để không trở thành con Lừa trong đầu tư chứng khoán.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	918.60	-0.80%	3.44	8.8%	94539	10/17/2019	13
VN30F1911	920.00	-0.33%	4.84	-42.2%	219	11/21/2019	48
VN30F1912	915.20	-0.53%	0.04	34.0%	63	12/19/2019	76
VN30F2003	914.70	-0.67%	-0.46	-20.2%	83	3/19/2020	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 6.54 điểm xuống mức 915.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MBB, MWG và HPG tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tăng nhẹ từ đầu phiên nhưng đã quay đầu giảm điểm từ giữa phiên sáng cho đến cuối phiên chiều. Thanh khoản vẫn ở trạng thái ổn định trong những phiên gần đây.

- Tất cả các HDTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. VN30F1910 và VN30F1912 tăng về khối lượng giao dịch so với phiên trước đó, trong khi VN30F1911 và VN30F2003 lại giảm. Xét về vị thế mở, hầu hết các hợp đồng đều có chiều hướng tăng, duy chỉ có VN30F1911 là giảm. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng giá đang tăng dần trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 912 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CDPM1901	KIS	1/9/2020	97	1:1	51,560	1173.1%	5.0 triệu	26.78%	1,900	2,270	24.04%	949.90
CVRE1901	KIS	11/14/2019	41	2:1	17,700	-52.2%	5.0 triệu	26.62%	1,900	830	5.06%	1.60
CNVL1901	KIS	2/7/2020	126	4:1	11,580	-7.7%	2.5 triệu	20.03%	1,900	2,950	4.98%	1,089.20
CVNM1901	KIS	12/13/2019	70	10:1	616,830	-6.4%	1.5 triệu	18.82%	1,200	720	4.35%	2.70
CVIC1901	KIS	11/14/2019	41	5:1	229,060	108.3%	5.0 triệu	20.87%	1,960	1,120	2.75%	4.10
CVHM1901	KIS	2/7/2020	126	4:1	12,010	-2.7%	1.5 triệu	27.52%	3,100	4,080	2.51%	1,529.50
CMWG1904	SSI	12/30/2019	87	1:1	10,090	-61.2%	2.0 triệu	20.27%	14,000	38,990	1.27%	34,014.70
CFPT1904	MBS	11/19/2019	46	3:1	96,880	-39.5%	2.0 triệu	19.98%	1,700	2,870	-0.35%	1,758.20
CSTB1901	KIS	1/9/2020	97	1:1	42,770	108.2%	3.0 triệu	20.78%	1,390	1,450	-1.36%	297.60
CMWG1902	VND	12/11/2019	68	4:1	71,720	157.0%	5.0 triệu	20.27%	2,990	9,370	-1.47%	8,448.30
CFPT1903	SSI	12/30/2019	87	1:1	16,000	-46.5%	1.0 triệu	19.98%	6,000	13,900	-1.49%	12,183.80
CMSN1901	KIS	11/14/2019	41	5:1	12,640	-92.0%	2.0 triệu	22.89%	1,920	1,090	-1.80%	21.30
CMBB1902	HSC	12/17/2019	74	1:1	100,610	-23.9%	1.0 triệu	18.71%	3,200	3,950	-2.47%	1,389.50
CMWG1903	HSC	12/30/2019	87	5:1	60,140	-17.4%	1.8 triệu	20.27%	2,700	6,710	-3.17%	5,805.80
CHPG1905	SSI	12/30/2019	87	1:1	52,180	-17.6%	1.0 triệu	28.38%	3,300	2,180	-4.39%	616.90
CHPG1902	KIS	12/11/2019	68	5:1	500,480	-34.8%	1.0 triệu	28.38%	1,000	150	-6.25%	0.01
CHPG1906	KIS	11/14/2019	41	2:1	7,400	-91.2%	2.0 triệu	28.38%	1,500	370	-7.50%	0.80
CREE1901	MBS	11/19/2019	46	3:1	77,470	9.4%	3.0 triệu	23.25%	1,260	1,510	-10.12%	422.50

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Lãi suất phi rủi ro là 4.75% Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/10/2019, các chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái trong khi chứng khoán cơ sở hầu hết đều giảm điểm, trừ VIC và DPM.

- CREE1901 và CHPG1906 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 10.12% và 7.50%, ở chiều hướng ngược lại, CDPM1901 có mức tăng ấn tượng 24.04%. Thanh khoản thị trường giảm 20.49%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 30% thị trường.

- Tất cả các chứng quyền đều duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở FPT và MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. REE đã có sự điều chỉnh giảm sau khi tiếp cận ngưỡng cản cứng tại giá 40. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị ổn định. Mặt khác, các chỉ báo kỹ thuật lại đang dần chuyển sang trạng thái tiêu cực, nhiều khả năng CREE1901 sẽ tiếp tục giảm giá trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	83.00	1.22	0.41
DPM	14.15	5.20	0.15
EIB	16.90	0.60	0.15
VJC	137.60	0.22	0.11
ROS	26.00	0.19	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	123.0	-1.68	-0.84
SSI	21.6	-7.69	-0.77
VPB	22.3	-1.33	-0.72
TCB	23.6	-0.84	-0.63
MBB	22.7	-1.31	-0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.0	-1.7%	0.7	2,368	3.3	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.3	-0.7%	1.0	777	1.1	4,727	17.0	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.8	-2.3%	1.3	2,218	0.8	1,505	48.4	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.6	-0.6%	0.7	338	0.1	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.0	0.0%	1.1	17,166	1.3	1,643	71.8	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	-0.3%	1.1	3,230	4.6	1,033	30.9	2.6	31.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.6	-0.2%	0.8	2,573	1.0	3,579	17.8	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.4	-3.1%	1.0	504	1.8	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.7	-0.6%	1.4	384	1.3	3,744	4.5	1.1	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.6	-7.7%	1.3	477	3.3	1,997	10.8	1.2	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.6	-2.5%	1.0	247	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	-5.1%	1.4	308	2.0	1,434	16.2	1.7	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.8	-0.7%	0.8	1,675	3.2	4,349	13.1	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.5	-1.5%	1.5	8,363	2.6	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	58.0	-3.3%	1.5	3,003	4.1	3,350	17.3	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.9	-1.6%	1.7	393	1.9	2,397	7.9	0.7	22.9%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.1	-1.1%	0.8	1,227	0.4	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.8	-0.8%	0.5	522	0.0	4,616	19.9	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.2	5.2%	0.7	241	0.7	853	16.6	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	1.2%	0.6	172	0.2	897	8.3	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	83.0	1.2%	1.3	13,384	4.0	4,729	17.6	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.5	-1.8%	1.5	6,020	1.6	2,091	19.4	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.6	-1.9%	1.6	3,335	2.0	1,470	14.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.3	-1.3%	1.2	2,382	5.2	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.7	-1.3%	1.1	2,248	4.8	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.6	0.0%	1.1	1,664	1.6	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.2	3.1%	0.9	189	1.4	5,017	10.6	1.8	78.0%	17.1%
NTP	Nhựa	39.0	2.9%	0.3	151	0.1	4,490	8.7	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	-1.2%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.4	-0.9%	1.0	2,563	4.5	2,760	7.7	1.3	37.9%	19.9%
HSG	Thép	7.4	3.8%	1.5	135	1.8	425	17.3	0.6	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	128.6	-0.3%	0.8	9,737	3.6	5,465	23.5	7.9	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	258.0	-1.5%	0.8	7,194	0.2	6,735	38.3	9.4	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.4	-0.8%	1.2	3,934	0.6	3,304	23.4	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.8	0.0%	0.5	405	0.8	542	32.8	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	75.5	-1.6%	0.8	7,146	0.3	2,630	28.7	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.6	0.2%	1.1	3,134	4.3	9,850	14.0	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	33.2	1.1%	1.7	2,044	0.3	1,747	19.0	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.5	-0.9%	0.8	354	0.3	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.8	-3.2%	0.6	206	0.9	2,435	6.9	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	106.1	-1.6%	0.9	723	1.1	7,667	13.8	5.4	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.2	-1.0%	0.8	373	0.3	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	1.3%	0.8	267	0.1	1,657	9.7	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	91.2	-1.5%	0.7	303	0.2	13,535	6.7	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.4%	1.1	509	0.5	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.5	6.3%	0.5	263	1.9	387	63.2	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	12.9	2.0%	0.6	1,308	1.6	820	15.7	1.2	14.5%	7.8%
NT2	Điện	23.8	-1.0%	0.6	297	0.4	2,241	10.6	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	83.00	1.22	1.09	1.12MLN
POW	12.85	1.98	0.17	2.78MLN
HVN	33.15	1.07	0.15	203770.00
CII	24.45	6.30	0.12	1.88MLN
DPM	14.15	5.20	0.08	1.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	100.50	-1.47	-0.85	595640.00
PLX	58.00	-3.33	-0.76	1.60MLN
SAB	258.00	-1.53	-0.76	17620.00
BID	40.50	-1.82	-0.76	884430.00
CTG	20.60	-1.90	-0.44	2.19MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	1.99	6.99	0.00	3.40MLN
TCO	10.75	6.97	0.00	230.00
FTM	4.15	6.96	0.00	1.23MLN
SAV	9.42	6.92	0.00	33680.00
CMV	13.90	6.92	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSI	21.60	-7.69	-0.27	3.43MLN
VMD	23.45	-6.94	-0.01	360.00
NVT	6.98	-6.93	-0.01	10920.00
NAV	7.55	-6.91	0.00	20.00
COM	49.00	-6.67	-0.02	60.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.60	3.61	0.12	924600.00
DGC	27.30	2.25	0.05	127400.00
HHC	124.50	3.84	0.04	100.00
NTP	39.00	2.90	0.03	44300.00
PVX	1.30	8.33	0.02	621600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

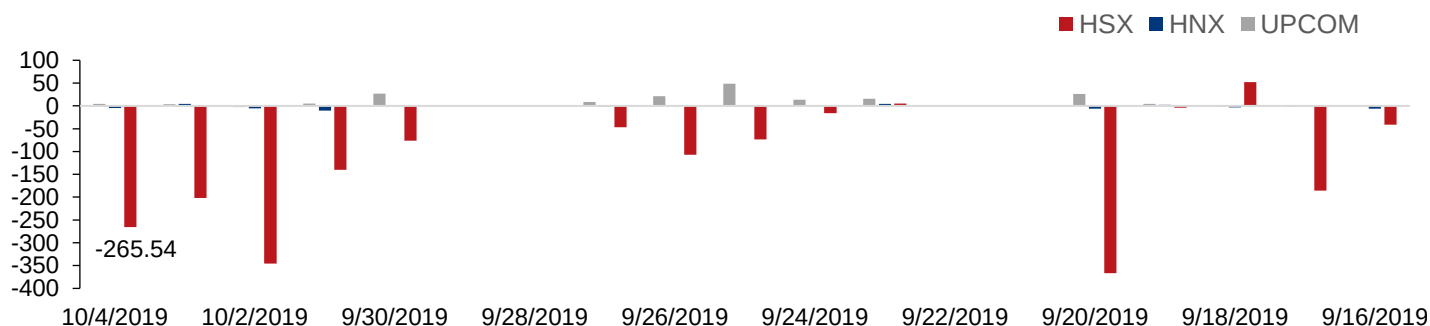
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.50	-1.52	-0.11	691700.00
PVS	18.90	-1.56	-0.08	2.29MLN
VCS	106.10	-1.58	-0.06	244500.00
MBG	32.20	-4.73	-0.03	354700.00
INN	33.00	-5.71	-0.03	1100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.30	50.0	0.00	14400.00
LO5	2.20	10.0	0.00	100.00
NHC	34.20	10.0	0.01	100.00
STP	6.80	9.7	0.00	100.00
HLC	7.10	9.2	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	283100.00
HKB	0.70	-12.50	-0.01	407400.00
HPM	11.20	-9.68	0.00	100.00
TKC	9.80	-9.26	-0.01	2600.00
DST	1.00	-9.09	0.00	50700.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	37.9	3,672	10.3	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	77.4	3,304	23.4	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	128.6	5,465	23.5	7.9	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.4	5,261	7.1	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.5	18,865	4.3	1.7	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	10.2	2,076	4.9	0.7	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.6	4,469	5.3	1.2	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.8	1,098	13.4	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	83.0	4,729	17.6	4.0	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.8	1,295	18.3	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.7	3,215	7.0	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.2	2,801	19.4	3.2	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.5	1,888	14.5	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.5	3,705	8.0	2.1	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.8	4,349	13.1	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.0	7,893	15.6	5.2	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.3	4,727	17.0	4.4	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.9	5,276	10.4	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn